

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của người phải thi hành án trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Thư ký phiên họp: Bà Tăng Thị Hồng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tô Quyên – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 629/2023/TLST-VDS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc: “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 665/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2469/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Trần Kiều Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: D Hồ B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: Công ty L4 và cộng sự, người được ủy quyền lại là bà Dương Hương L, sinh năm 1995 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/7/2023 và Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023); Địa chỉ: D T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958; (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Phụng H1, sinh năm 1985; (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1991; (vắng mặt)
- Bà Võ Kim T1, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 2 P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

6. Ông Trần Sỹ H2, sinh năm 1976; Địa chỉ: B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

7. Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm; Địa chỉ: 1 H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

8. Bà Lê Thị B, sinh năm 1961; Địa chỉ: D T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: B Bis T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 00003179, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C lập ngày 04/3/2024). (có mặt)

9. Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1975; Địa chỉ: C chung cư G, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: B Bis T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 00004203, quyền số 03/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C lập ngày 18/3/2024). (có mặt)

10. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thùy D, Chấp hành viên - là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 601/QĐ-CTHADS ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Những người phải thi hành án bị yêu cầu xác định phần sở hữu của họ trong khối tài sản chung:

1. Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1967; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1956; (vắng mặt)

3. Ông Võ Thanh T3, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 2 P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

4. Bà Võ Lệ H4, sinh năm 1949; Địa chỉ: C Kenney Dr Falls C VA. 22042.3628, USA (vắng mặt)

5. Ông Võ Thành L3 (đã chết năm 2020, những người thừa kế của ông Võ Thành L3 gồm vợ là bà Nguyễn Thị L1 và bốn người con ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, ông Trần Kiều Q có bà Dương Hương L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Kiều Q là người được thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 470/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự phúc thẩm số 514/2020/DS-PT ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “...*Chấm dứt thực hiện văn bản hứa mua hứa bán quyền sử dụng đất ở và nhà ở ngày 27/10/2016 giữa các ông Võ Thành L3, Nguyễn Thanh L2 với các ông bà Trần Sỹ H2, Trần Kiều Q, Ngô Thị Hồng N. Ông Võ Thành L3, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Kim H3, ông Võ Thanh T3 và bà Võ Lệ H4 phải liên đới bồi thường cho các ông bà Trần Sỹ H2, Trần Kiều Q và Ngô Thị Hồng N số tiền 29.625.000.000 đồng ...*”

Sau khi 02 bản án trên có hiệu lực pháp luật thì những người phải thi hành án đã không thực hiện đúng nội dung 02 bản án trên. Do đó, ông Trần Kiều Q đã làm đơn yêu cầu thi hành và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 491/QĐ-CTHADS ngày 10/11/2020. Quá trình xử lý, cưỡng chế, phát mãi tài sản thì những người phải thi hành án không có yêu cầu xác định và phân chia tài sản chung nên Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh không thể tiến hành thủ tục cưỡng chế, phát mãi tài sản để thi hành án dân sự theo 02 bản án nêu trên được. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Thông báo số 8666/TB-CTHADS ngày 29/5/2023 về việc xác định, phân chia tài sản chung cho ông Trần Kiều Q được biết. Nội dung văn bản cụ thể sau: “...*Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các ông (bà). Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Phụng H1, Nguyễn Kim T, Võ Kim T1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị Kim H3, Võ Thanh T3 và Võ Lệ H4 (V) không thỏa thuận hoặc thỏa thuận vì phạm quy định của tại Điều 6 của Luật Thi hành án dân sự hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì người được thi hành án là các ông (bà) Trần Sỹ H2, Trần Kiều Q và Ngô Thị Hồng N được quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên theo thủ tục tố tụng dân sự...*”. Quá thời hạn theo như Thông báo số 8666/TB-CTHADS, bên phía các ông (bà) Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Phụng H1, Nguyễn Kim T, Võ Kim T1 (Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Thành L3), Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị Kim H3, Võ Thanh T3 và Võ Lệ H4 (V) đã không thực hiện giải quyết các nội dung trong Thông báo này tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Chính vì việc các ông bà này không thực hiện theo yêu cầu của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đến xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Kiều Q.

Do đó, ông Trần Kiều Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của những người phải thi hành án trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 69 (tờ số 74 cũ) tọa lạc tại Phường T, Quận T, Thành phố H đã được Ủy ban nhân dân Quận T cấp Giấy chứng nhận số H03026 ngày 30/5/2007 cho ông Võ Văn M1 (chết năm 1978) và bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2002) do con là ông Võ Thanh T4 đại diện thừa kế khai trình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh có bà Lê Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cục Thi hành án dân sự (THADS) Thành phố Hồ Chí Minh đang tổ chức thi hành Bản án số 514/2020/DS-PT ngày 06/10/2020 (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 105/2023/QĐ-SCBSBA ngày 09/5/2023) của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 470/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định thi hành án chủ động số 454/QĐ-CTHADS ngày 06/11/2020, Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 491/QĐ-CTHADS ngày 10/11/2020 và Quyết định theo yêu cầu số 1001/QĐ-CTHADS ngày 04/12/2023 của Cục trưởng Cục THADS Thành phố H. Quá trình thi hành án, Cục THADS Thành phố H đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của những người phải thi hành án được biết: Thừa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T đã được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận số H03026 ngày 30/5/2007 cho ông Võ Văn M1 (chết năm 1978) và bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2002) do con là ông Võ Thanh T4 đại diện thừa kế khai trình, DTKV: 768,1m². Hiện thừa đất không đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh T5. Để đảm bảo việc thi hành án, Chấp hành viên Cục THADS Thành phố H đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-CTHADS ngày 28/12/2020 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và Quyết định số 359/QĐ-CTHADS ngày 30/5/2023 về việc cưỡng chế kê biên đối với phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung là thừa đất nêu trên. Đồng thời, Cục THADS Thành phố H đã ban hành Thông báo số 8666/TB-CTHADS ngày 29/5/2023 về việc xác định, phân chia tài sản chung. Sau thời hạn được quy định tại Thông báo này, Cục THADS Thành phố H không nhận được thông tin gì từ các đương sự. Đến ngày 15/12/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo về việc thụ lý việc dân sự số 629/TB-TLVADS theo đơn yêu cầu của người được thi hành án ông Trần Kiều Q, địa chỉ: D Hồ B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm d, khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Cục THADS Thành phố H đã ban hành các quyết định hoãn thi hành án số 76/QĐ-CTHADS, số 77/QĐ-CTHADS, số 78/QĐ-CTHADS cùng ngày 26/01/2024 đối với các khoản phải thi hành án nêu trên theo thẩm quyền. Đối với yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là ông Trần Kiều Q, người yêu cầu đã thực hiện theo đúng nội dung Thông báo số 8666/TB-CTHADS ngày 29/5/2023. Cục THADS Thành phố H thống nhất và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu của ông Trần Kiều Q. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Các ông bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Phụng H1, Nguyễn Kim T, Võ Kim T1 vắng mặt tại phiên họp.

Ông Trần Sỹ H2, bà Ngô Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Tòa án công bố nội dung bản tự khai của những người này tại phiên họp.

Bà Lê Thị B, bà Võ Thị Tuyết M có ông Vũ Văn Trung đại d theo ủy quyền trình bày: Việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của người yêu cầu là ông Trần Kiều Q là đúng với quy định của pháp luật về thi hành án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Kiều Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu ông Trần Kiều Q yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của những người phải thi hành án trong khối tài sản chung. Yêu cầu này của ông Trần Kiều Q thuộc trường hợp việc dân sự được quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trường hợp này được xác định người yêu cầu “yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án dân sự 2008 đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 4 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 là quan hệ pháp luật liên quan đến quá trình thi hành án theo quy định tại Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Yêu cầu này thuộc trường hợp “yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của mình hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác” theo quy định tại Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “Tòa án nơi cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án có trụ sở hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án và yêu cầu khác theo quy định của Luật thi hành án dân sự;”. Do vụ việc liên quan đến cơ quan thi hành án là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về xác định tư cách đương sự của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Theo Đơn yêu cầu khởi kiện của người yêu cầu, ông Trần Kiều Q khởi kiện việc dân sự tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do xác định có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là 11 người, gồm có 09 người là người

phải thi hành án và 02 người được thi hành án. Hội đồng giải quyết việc dân sự thấy rằng:

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự là người tuy không yêu cầu giải quyết việc dân sự nhưng việc giải quyết việc dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc đương sự trong việc dân sự đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.”

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật thi hành án dân sự 2008 đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 3 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 thì “Người phải thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành.”

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thi hành án dân sự 2008 đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 3 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 thì “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.”

Căn cứ Bản án số 514/2020/DS-PT ngày 06/10/2020 (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 105/2023/QĐ-SCBSBA ngày 09/5/2023) của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 470/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định các đương sự: ông Võ Thành L3, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Kim H3, ông Võ Thanh T3 và bà Võ Lệ H4 là những người phải thi hành án.

Do ông Võ Thành L3 đã chết, những người thừa kế di sản (tài sản do ông Võ Thành L3 để lại) gồm bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1 liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của ông Võ Thành L3 nên được Tòa án xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý việc dân sự, Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 665/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2469/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo đúng quy định nhưng không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên mở phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này.

Đối với các đương sự là người phải thi hành án gồm ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Kim H3, ông Võ Thanh T3 và bà Võ Lệ H4 theo đề nghị tại Đơn yêu cầu khởi kiện của người yêu cầu ông Trần Kiều Q là người phải thực hiện quyền nghĩa vụ thi hành án, nên không được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với các đương sự là người được thi hành án gồm ông Trần Sỹ H2, bà Ngô Thị Hồng N theo đề nghị tại Đơn yêu cầu khởi kiện của người yêu cầu ông

Trần Kiều Q, do việc giải quyết việc dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét Văn bản số 2224/CTHADS-NV1 ngày 01/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng gồm Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị B, bà Võ Thị Tuyết M, do việc giải quyết việc dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên Tòa án chấp nhận đưa các đương sự này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Kiều Q:

[2.1] Người yêu cầu ông Trần Kiều Q yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của những người phải thi hành án trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 69 tọa lạc tại phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 ngày 30/5/2007 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 30/5/2007 cho ông Võ Văn M1 (chết năm 1978) và bà Võ Thị B2 (chết năm 2002) do con là ông Võ Thanh T4 đại diện thừa kế khai trình.

[2.2] Căn cứ quy định tại Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu của ông Trần Kiều Q thuộc trường hợp yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung theo khoản 4 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 quy định về quyền của người được thi hành án và khoản 1 Điều 71 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung theo khoản 31 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 quy định về “cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung” trong quá trình thi hành án. Yêu cầu này được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Căn cứ các Quyết định thi hành án chủ động số 454/QĐ-CTHADS ngày 06/11/2020, Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 491/QĐ-CTHADS ngày 10/11/2020 và Quyết định theo yêu cầu số 1001/QĐ-CTHADS ngày 04/12/2023 của Cục trưởng Cục THADS Thành phố H, xác định Cục Thi hành án dân sự (THADS) Thành phố Hồ Chí Minh đang tổ chức thi hành Bản án số 514/2020/DS-PT ngày 06/10/2020 (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 105/2023/QĐ-SCBSBA ngày 09/5/2023) của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 470/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.4] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, nhận thấy quá trình thi hành án, Cục THADS Thành phố H đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của những người phải thi hành án. Xác định thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T đã được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 ngày 30/5/2007 cho ông Võ Văn M1 (chết năm

1978) và bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2002) do con là ông Võ Thanh T4 đại diện thừa kế khai trình, DTKV: 768.1m2.

[2.5] Hiện thửa đất không đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh T5. Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-CTHADS ngày 28/12/2020 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và Quyết định số 359/QĐ-CTHADS ngày 30/5/2023 về việc cưỡng chế kê biên đối với phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung là thửa đất nêu trên.

[2.6] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do người yêu cầu và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, xác định: Ông Võ Văn M1 (chết năm 1978) và bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2002) có 4 người con gồm: ông Võ Thành L3 (sinh năm 1957, chết năm 2020), ông Nguyễn Thanh L2 (sinh năm 1967), ông Võ Thanh T4 (sinh năm 1952, chết năm 2008) và bà Võ Lệ H4 (sinh năm 1949) là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Di sản do ông Võ Văn M1 và bà Nguyễn Thị B1 để lại là thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T đã được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, sổ vào sổ cấp GCN là H03026 ngày 30/5/2007.

[2.7] Căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự 2015 tại các Điều luật gồm: Điều 158 (quy định về Quyền sở hữu); Điều 207 (quy định về sở hữu chung); Điều 208 (quy định về Xác lập sở hữu chung); khoản 5 Điều 221 (quy định về Căn cứ xác lập quyền sở hữu); Điều 234 (quy định về Xác lập quyền sở hữu do được thừa kế); khoản 1 Điều 611 (quy định về Thời điểm, địa điểm mở thừa kế) thì “*Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết*”; điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai 2013, xác định tài sản là thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, sổ vào sổ cấp GCN là H03026 do UBND quận T cấp ngày 30/5/2007) là tài sản chung thuộc quyền sở hữu, sử dụng của các chủ sở hữu chung là các đồng thừa kế của ông Võ Văn M1 và bà Nguyễn Thị Bá. Các chủ sở hữu chung gồm: ông Võ Thành L3, ông Nguyễn Thanh L2, ông Võ Thanh T4 và bà Võ Lệ H4.

[2.8] Ông Võ Thanh T4 (chết năm 2008) có vợ là bà Nguyễn Thị Kim H3 và con là ông Võ Thanh T3. Bản án số 514/2020/DS-PT ngày 06/10/2020 (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 105/2023/QĐ-SCBSBA ngày 09/5/2023) của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 470/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Nguyễn Thị Kim H3 và ông Võ Thanh T3 là người có nghĩa vụ phải thi hành án.

[2.9] Ông Võ Thành L3 (chết năm 2020). Căn cứ xác minh của Công an Q1 tại Công văn số 1469/CAQ1(QLHC) ngày 22/6/2020, xác định những người thừa kế của ông Võ Thành L3 gồm vợ là bà Nguyễn Thị L1 và bốn người con

ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1.

[2.10] Quá trình thi hành án, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ đối với đương sự Võ Lệ H4.

Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung theo khoản 31 Điều 1 Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014 quy định về “cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung”, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo về việc xác định phân chia tài sản chung số 8666/TB-CTHADS ngày 29/5/2023. Nội dung thông báo thể hiện:

“Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) thông báo này các ông (bà): Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Phụng H1, Nguyễn Kim T, Võ Kim T1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị Kim H3, Võ Thanh T3, Võ Lệ H5 phải tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự đối với tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 525, tờ bản đồ số 69 (tờ số 74 cũ) tọa lạc tại phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận số H03026 ngày 30/5/2007 cho ông Võ Văn M1 (chết năm 1978) và bà Võ Thị B2 (chết năm 2002) do con là ông Võ Thanh T4 đại diện thừa kế khai trình.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày từ ngày nhận được thông báo mà các ông (bà): Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Phụng H1, Nguyễn Kim T, Võ Kim T1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Thị Kim H3, Võ Thanh T3, Võ Lệ H4 không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật Thi hành án dân sự hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì người được thi hành án là ông Trần Sĩ H6, ông Trần Kiều Q và bà Ngô Thị Hồng N được quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án chung là quyền sử dụng đất nêu trên theo thủ tục tố tụng dân sự.”

Tuy nhiên những người nêu trên đã không thực hiện theo thông báo của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.11] Căn cứ quy định tại Điều 209 Bộ luật dân sự 2015 về sở hữu chung theo phần, Tòa án xác định:

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là ông Võ Thành L3 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T.

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là ông Nguyễn Thanh L2 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T.

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là bà Võ Lệ H4 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T.

- Phần sở hữu của ông Võ Thanh T4 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T. Ông Võ Thanh T4 chết năm 2008. Căn cứ quy định tại Điều 234, khoản 1 Điều 611, Điều 614 Bộ luật dân sự 2015, xác định phần sở hữu của ông Võ Thanh T4 trong khối tài sản chung do các đồng thừa kế gồm vợ là bà Nguyễn Thị Kim H3 và ông Võ Thanh T3 được quyền thừa kế quyền sở hữu sử dụng. Do bà Nguyễn Thị Kim H3 và ông Võ Thanh T3 là người phải thi hành án, Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Kim H3 và ông Võ Thanh T3 (thừa kế di sản của ông Võ Thanh T4 chết để lại) trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết việc dân sự:

Việc tuân thủ và chấp hành pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp việc dân sự là đầy đủ và đúng pháp luật.

Về nội dung vụ việc: Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Kiều Q, xác định phần sở hữu trong khối tài sản chung của những người phải thi hành án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Kiều Q phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được cân trừ vào số tiền 300.000 tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001176 ngày 14/12/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm n khoản 1 Điều 39, khoản 6 Điều 68, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 207, Điều 208, Điều 209, khoản 5 Điều 221, Điều 234, khoản 1 Điều 611, Điều 614 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai 2013; khoản 3 và 4 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 7, Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi bổ sung theo Luật thi hành án dân sự sửa đổi 2014)

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Kiều Q, xác định:

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là ông Võ Thành L3 (ông L3 chết năm 2020, những người thừa kế của ông Võ Thành L3 gồm vợ là bà Nguyễn Thị L1 và bốn người con ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1) trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 do UBND quận T cấp ngày 30/5/2007).

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là ông Nguyễn Thanh L2 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 do UBND quận T cấp ngày 30/5/2007).

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là bà Võ Lệ H4 trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 do UBND quận T cấp ngày 30/5/2007).

- Phần sở hữu của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Kim H3 và ông Võ Thanh T3 (thừa kế di sản của ông Võ Thanh T4 chết để lại) trong khối tài sản chung là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 525, tờ bản đồ 69 (BĐDC), phường T, quận T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AE 618591, số vào sổ cấp GCN là H03026 do UBND quận T cấp ngày 30/5/2007)

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Kiều Q phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được cân trừ vào số tiền 300.000 tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001176 ngày 14/12/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Kiều Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu ông Trần Kiều Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự (bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Phụng H1, ông Nguyễn Kim T, bà Võ Kim T1, ông Trần Sỹ H2, bà Ngô Thị Hồng N, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị B, bà Võ Thị Tuyết M) có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ngọc Tài